

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ W
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày 02-7-2024
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ W, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mai Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Diễm Thuý;
2. Ông Nguyễn Quốc Sử.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố W.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố W tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Sốc - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã R, Aện W, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn E, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: Khóm Cây Da, phường Y, thành phố W, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông E được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 2006, hôn nhân do mai mối, cả hai không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông E thường hay chơi cờ bạc, nên bà bỏ đi Bình Dương làm cho đến nay. Tháng

12/2023 bà khởi kiện ông E yêu cầu ly hôn nhưng được Toà án động viên và ông E làm cam kết sửa đổi nên bà rút đơn khởi kiện. Nhưng thời gian vừa qua ông E vẫn không sửa đổi. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông E.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh A, sinh ngày 17/4/2007 và Huỳnh Thị Như X, sinh ngày 08/8/2008. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông E cấp dưỡng cho con. Hiện cháu X, A đang sống cùng bà.

- Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Huỳnh Văn E Trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Q cưới nhau năm 2006, hôn nhân do mai mối, ông bà không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung hạnh phúc, nhưng từ năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông hay uống rượu, bia. Mặc dù ông muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà Q kiên quyết ly hôn, nên tại phiên tòa hôm nay ông thống nhất ly hôn với bà Q.

- Về nuôi con chung: Có hai con chung tên Huỳnh A, sinh ngày 17/4/2007 và Huỳnh Thị Như X, sinh ngày 08/8/2008, ông thống nhất theo nguyện vọng của 02 con, giao cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố W phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Q và ông Huỳnh Văn E; về con chung: Bà Nguyễn Thị Q được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Huỳnh A, sinh ngày 17/4/2007 và Huỳnh Thị Như X, sinh ngày 08/8/2008, Ông Huỳnh Văn E không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, do bà Nguyễn Thị Q không yêu cầu; về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết; về nợ chung: Không có, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con bị đơn ông Huỳnh Văn E có địa chỉ cư trú tại khóm Cây Da, phường Y, thành phố W, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố W theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn E. Hội đồng xét xử xét thấy, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự thì bà Q và ông E cưới nhau từ năm 2006, mặc dù đủ điều kiện kết hôn theo quy định, nhưng ông bà vẫn không đăng ký kết hôn. Mặc dù tại phiên tòa bà Q và ông E thống nhất ly hôn nhưng căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng của ông bà.

Điều 9. Đăng ký kết hôn

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Điều 53. Thụ lý đơn yêu cầu ly hôn

“1. ...;

2. Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con chung và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

[2.2] Về con chung: Bà Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Huỳnh A, sinh ngày 17/4/2007 và Huỳnh Thị Như X, sinh ngày 08/8/2008. Tại phiên tòa, bà Q, ông E thống nhất thỏa thuận bà Q được tiếp tục nuôi dưỡng giao 02 con chung, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng muốn sống cùng mẹ của cháu A, X và đồng thời hiện nay hai cháu đều đang được bà Q nuôi dưỡng. Ông E không phải cấp dưỡng cho con, do bà Q tự nguyện không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Q, ông E là hoàn toàn có căn cứ.

Điều 81. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn

...

2. Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Bà Nguyễn Thị Q cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Huỳnh Văn E trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con

[2.3] Về tài sản chung: Bà Q và ông E thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Q và ông E đều trình bày vợ chồng không có nợ ai và không có ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Từ các phân tích trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định, theo đó:

[4.1] Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005141 ngày 09/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố W, tỉnh Đồng Tháp, bà Q đã nộp xong.

[4.2] Ông Huỳnh Văn E không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Q và ông Huỳnh Văn E.

2. Về con chung: Công nhận tự nguyện thoả thuận của bà Nguyễn Thị Q và ông Huỳnh Văn E. Bà Nguyễn Thị Q được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Huỳnh A, sinh ngày 17/4/2007 và Huỳnh Thị Như X, sinh ngày 08/8/2008. Ông E không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, do bà Q tự nguyện không yêu cầu. Bà Q cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông E trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Q và ông E thống nhất tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Q và ông E thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu 0005141 ngày 09/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố W, tỉnh Đồng Tháp, bà Q đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/7/2024).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. W;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mai Trinh